

Số: 53/2024/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện T, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu T, xã N, huyện Y, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Hà Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Hà Văn T thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Hà Anh K, sinh ngày 01/8/2013. Khi ly hôn, Trần Thị T và anh Hà Văn T thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 11/02/2010 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Anh K, sinh ngày 01/8/2013 cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Không ai phải cấp

đưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung

- Về tài sản chung; công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Trần Thị T và anh Hà Văn T đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006424 ngày 11/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh P. Chị Trần Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh V;
(ĐKKH ngày 24/9/2008)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Lê Thu Trang

